

Số: 2080/2026/QĐST-DS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 5 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điểm b, Khoản 1 Điều 39; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 18 tháng 5 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số 260/2025/TLST-DS ngày 13 tháng 03 năm 2025 về “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn:

1/ Ngân hàng thương mại cổ phần V

Địa chỉ: Số H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Hoàng L

Văn bản ủy quyền: Số 365 ngày 12/03/2026.

Địa chỉ: Số A B L, phường G, Thành Phố Hồ Chí Minh

2/ Công ty Cổ phần M

Địa chỉ: Số I D, phường C, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Công T

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn T1

Văn bản ủy quyền: Số 1074 ngày 29/3/2026

Địa chỉ: Số D N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn:

Ông Lê Duy T2- sinh năm 1978

Bà Đặng Thị P – sinh năm 1978

Địa chỉ: Số F L, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Duy T2- sinh năm 1978

Văn bản ủy quyền: 3797 ngày 08/04/2025

Địa chỉ: Số F L, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ngân hàng thương mại cổ phần V (Do ông **Trương Hoàng L** là người đại diện theo ủy quyền); **Công ty Cổ phần M** (Do ông **Hoàng Văn T1** là người đại diện theo ủy quyền); Ông **Lê Duy T2** và bà **Đặng Thị P** (Bà **P** do ông **T2** là người đại diện theo ủy quyền) cùng thống nhất như sau:

[2.1] Về số nợ: Ông **Lê Duy T2** và bà **Đặng Thị P** còn nợ **Ngân hàng thương mại cổ phần V** và **Công ty cổ phần M** tổng cộng số tiền là 22.974.933.307 đồng (Hai mươi hai tỷ chín trăm bảy mươi bốn triệu chín trăm ba mươi ba ngàn ba trăm lẻ bảy đồng), cụ thể như sau:

[2.2] Ông **Lê Duy T2** và bà **Đặng Thị P** còn nợ **Ngân hàng thương mại cổ phần V** theo Hợp đồng tín dụng số 10186305 và Khế ước nhận nợ ngày 27/5/2024, số tiền cụ thể:

Nợ gốc: 5.948.328.633 đồng;

Nợ lãi trong hạn: 21.770.530 đồng;

Nợ lãi quá hạn: 877.103.416 đồng;

Tổng cộng: 6.847.202.579 đồng.

[2.3] Ông **Lê Duy T2** và bà **Đặng Thị P** còn nợ **Ngân hàng thương mại cổ phần V** theo Hợp đồng tín dụng số 10192857 và Khế ước nhận nợ ký ngày 27/5/2024 (Tương ứng 5%), số tiền cụ thể:

Nợ gốc: 636.550.000 đồng;

Nợ lãi: 169.836.536 đồng;

Tổng cộng: 806.386.536 đồng.

[2.4] Ông **Lê Duy T2** và bà **Đặng Thị P** còn nợ **Công ty cổ phần M** theo Hợp đồng tín dụng số 10192857 và Khế ước nhận nợ ký ngày 27/5/2024 (Tương ứng 95%), số tiền cụ thể:

Nợ gốc: 12.094.450.000 đồng;

Nợ lãi: 3.226.894.192 đồng;

Tổng cộng: 15.321.344.192 đồng.

Số tiền nợ lãi trên tính đến ngày 18/5/2026.

[2.5] Buộc ông **Lê Duy T2** và bà **Đặng Thị P** có trách nhiệm thanh toán cho **Ngân hàng thương mại cổ phần V** số tiền 7.653.589.115 đồng (Bảy tỷ sáu trăm năm mươi ba triệu năm trăm tám mươi chín ngàn một trăm mười lăm đồng).

[2.6] Buộc ông **Lê Duy T2** và bà **Đặng Thị P** có trách nhiệm thanh toán cho **Công ty cổ phần M** số tiền 15.321.344.192 đồng (Mười lăm tỷ ba trăm hai mươi một triệu ba trăm bốn mươi bốn ngàn một trăm chín mươi hai đồng).

[2.7] Thời hạn thanh toán: Trong thời hạn 02 tháng (Tính từ ngày 18/05/2026), hạn cuối thi hành vào ngày 17/07/2026.

[2.8] Sau khi ông **T2** và bà **P** thanh toán đủ số tiền nêu trên cho **Ngân hàng thương mại cổ phần V** và **Công ty cổ phần M** thì phía Ngân hàng và công ty phải trả lại cho ông **T2**, bà **P** các giấy tờ liên quan đến các tài sản thế chấp là:

Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số L712607, thửa 99+167+168+284+283, tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại địa chỉ: **Thị trấn P, huyện T, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu** (Nay phường **P**, Thành phố Hồ Chí Minh); số vào sổ GCN 00483 do Ủy ban nhân dân huyện **T**, tỉnh bà **Rịa Vũng T3** cấp ngày 07/4/1998, cập nhật thay đổi bổ sung ngày 03/06/2019.

Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN082612, thửa 798, tờ bản đồ số 39 tọa lạc tại địa chỉ: Khu phố T, phường H, Thị xã P, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (Nay phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); Sổ vào sổ GCN CS14062 do Sở T4 tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 25/6/2018, cập nhật thay đổi bổ sung ngày 02/07/2019.

Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN082611, thửa 797, tờ bản đồ số 39 tọa lạc tại địa chỉ: Khu phố T, phường H, Thị xã P, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (Nay phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); sổ vào sổ GCN CS14063 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh T4 cấp ngày 25/6/2018, cập nhật thay đổi bổ sung ngày 02/07/2019.

[2.9] Hết thời hạn thanh toán nợ mà ông T2, bà P chưa thanh toán được số tiền trên, phía Ngân hàng thương mại cổ phần V và Công ty cổ phần M được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi các tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp, cụ thể:

Hợp đồng thế chấp LN2301118134283 ngày 16/01/2023, được Văn phòng C, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, công chứng số 208 ngày 16/01/2023 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 22/5/2024 được Văn phòng C, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, công chứng số 1832 ngày 22/5/2024; Hợp đồng thế chấp số LN2303238722475 ngày 18/4/2023 được Văn phòng C, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, công chứng số 1279 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 22/5/2024 được Văn phòng C, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, công chứng số 1833 ngày 22/5/2024, để thu hồi nợ.

Trường hợp, số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản không đủ để thanh toán hết nghĩa vụ trả nợ của ông Lê Duy T2 và bà Đặng Thị P tại Ngân hàng thương mại cổ phần V và Công ty cổ phần M phía ông T2, bà P có nghĩa vụ thanh toán tiếp số tiền còn nợ cho Ngân hàng và công ty cổ phần M.

Kể từ ngày 19/05/2026, ông Lê Duy T2 và bà Đặng Thị P phải chịu tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 10186305 và Khế ước nhận nợ ký ngày 27/5/2024; Hợp đồng tín dụng số 10192857 và Khế ước nhận nợ ký ngày 27/5/2024 cho đến khi thi hành xong các khoản nợ.

[2.10] Chi phí tố tụng :

Ông Lê Duy T2 và bà Đặng Thị P có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V và Công ty cổ phần M chi phí tố tụng về xem xét, thẩm định tại chỗ đối với các tài sản thế chấp là 25.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), cụ thể:

Đôi Quyền sử dụng đất số L712607, thửa 99+167+168+284+283, tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại địa chỉ: Thị trấn P, huyện T, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu với số tiền là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CN082612, thửa 798, tờ bản đồ số 39 tọa lạc tại địa chỉ: Khu phố T, phường H, Thị xã P, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu và Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở tài sản khác gắn liền với đất số: CN082611, thửa 797, tờ bản đồ số 39 tọa lạc tại địa chỉ: Khu phố T, phường H, Thị xã P, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (Nay phường H, thành phố P) với số tiền là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm: 65.487.467 đồng (Sáu mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi bảy ngàn bốn trăm sáu mươi bảy đồng) ông Lê Duy T2 và bà Đặng Thị P tự nguyện chịu.

H lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền 63.837.827 đồng (Sáu mươi ba triệu tám trăm ba mươi bảy ngàn tám trăm hai mươi bảy đồng) theo biên lai thu số 0045971 ngày 13/03/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP HCM;
- VKSND KV 9, TPHCM;
- Phòng THA DS KV9, TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hương